

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 383/2019/DS-PT

Ngày 25 - 10 - 2019

V/v tranh chấp lỗi đi qua
bất động sản liền kề

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Ông Huỳnh Thanh Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17, 25 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2019/TLPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp yêu cầu lỗi đi qua bất động sản liền kề.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: /2015/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 398/2019/QĐPT-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số 607, ấp V, xã V, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Lâm Phú Th, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 605, ấp V, xã V, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Kim Nh, sinh năm 1963;

2. Lâm Trường Gi, sinh năm 1989;

3. Lâm Thị Cẩm Gi, sinh năm 1995;

Người đại diện hợp pháp bà Nh, anh Gi, chị Cẩm Gi là ông Lâm Phú Th, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: Số 605, ấp V, xã V, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Hữu T - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Lấp Vò.

Địa chỉ: Quốc lộ 80, Khóm Bình Thạnh 1, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

** Người kháng cáo: Lâm Phú Thành.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn O trình bày:

Gia đình ông O có phần đất và cất nhà ở từ tháng 3 năm 1985 đến nay. Đất của ông O liền kề đất của ông Th, đất của ông Th trước đây do Nhà nước quản lý để làm bến xe công cộng và ông O có sử dụng một lối đi qua phần đất này để đi từ đất của ông ra đến lộ. Đến ngày 09 tháng 02 năm 2001 thì ông Th rào lối đi này không cho ông O sử dụng nên ông phải đi nhờ trên phần đất của ông Trần Văn B.

Nay ông O yêu cầu ông Th phải cho ông một lối đi có chiều ngang là 02m, dài từ đất của ông đến lộ, ông không đồng ý trả giá trị đất và cây trồng có trên lối đi cho ông Th lý do phần này trước đây là của Nhà nước quản lý, còn cây trồng thì ông Th trồng sau khi phát sinh tranh chấp.

- Bị đơn ông Lâm Phú Th; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim Nh, Lâm Trường Gi, Lâm Thị Cẩm Gi do ông Th trình bày:

Đất của ông O liền kề với đất của ông Th thuộc thửa 03, tờ bản đồ 09b. Nguồn gốc của thửa đất này trước đây là của ông nội ông tên ông Lâm Hiếu Q để lại cho cha ông là ông Lâm Văn C vào năm 1963; ông C xây dựng ngôi chùa tên Thiện Mỹ sử dụng đến năm 1983, do nhu cầu làm lộ 30 tháng 4 tuyến Vĩnh Thạnh qua cầu Bắc, nên Nhà nước có trưng dụng phần đất của ông C để làm bến xe công cộng. Đến năm 1993 thì Nhà nước bắc cầu ngang sông, nên bến xe không còn sử dụng, ông C khiếu nại để lấy lại phần đất này đến 23/5/2001 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ra quyết định giao đất cho ông C diện tích 290,45m² và được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp quyền sử dụng đất cho ông C diện tích 290,5m² vào năm 2001. Khi ông C chết, ông Th thừa kế quyền sử dụng đất này và được cấp quyền sử dụng đất vào năm 2007.

Do ông O có lối đi khác theo sơ đồ quy hoạch ngày 19/5/1998 và hiện tại ông O đang sử dụng lối đi trên phần đất của ông Trần Văn B nên ông Th không đồng ý chừa lối đi theo yêu cầu của ông O.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cung cấp thông tin: Theo văn bản số 69/UBND-NC ngày 31/7/2015 và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số /2015/DS-ST ngày 18-12-2015 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn O.

Buộc ông Lâm Phú Th, Nguyễn Thị Kim Nh, Lâm Trường Gi, Lâm Thị Cẩm Gi tháo dỡ di dời các cây trồng, hàng rào bằng lưới B40 trồng trụ đá và trụ Xi măng có trên đất để cho hộ ông Nguyễn Văn O sử dụng một lối đi trên thửa 03, tờ bản đồ 09b, diện tích 31,8m² tọa lạc ấp V, xã V, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp có vị trí tứ cận như sau:

Đầu giáp đất ông Nguyễn Văn O có chiều ngang 2m tính từ ranh đất thửa 02 kéo về thửa 03 của ông Th.

Đầu giáp đất ông lộ bên đò cũ có chiều ngang 2m tính từ ranh đất thửa 02 kéo về thửa 03 của ông Th.

Cạnh giáp thửa 02 có chiều dài 16,12m tính từ đất ông Nguyễn Văn O đến lộ bên đò cũ.

Cạnh giáp phần còn lại thửa 03 có chiều dài 16,12m tính từ đất ông Nguyễn Văn O đến lộ bên đò cũ.

Theo biên bản và sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/11/2014.

Khi án có hiệu lực pháp luật các đương sự đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký điều chỉnh phần đất như đã nêu trên.

2. Về án phí:

Buộc ông Lâm Phú Th, Nguyễn Thị Kim Nh, Lâm Trường Gi, Lâm Thị Cẩm Gi phải chịu 364.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả cho ông O 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 029866 ngày 15/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

3. Về chi phí thẩm định, định giá:

Ông Lâm Phú Th, Nguyễn Thị Kim Nh, Lâm Trường Gi, Lâm Thị Cẩm Gi phải chịu 650.000 đồng, do ông Nguyễn Văn O đã tạm nộp xong nên nên buộc Lâm Phú Th, Nguyễn Thị Kim Nh, Lâm Trường Gi hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn O số tiền 650.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ông Th kháng cáo: không đồng ý với việc Tòa án sơ thẩm buộc ông mở lối đi có chiều ngang 2m, chiều dài một cạnh là 16,12m, một cạnh là 16,20m; tổng cộng 31,8m² cho hộ ông Nguyễn Văn O sử dụng. Ông Th cho rằng đất của ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông O đã có lối đi riêng hiện nay sử dụng ổn định là trên đất của ông B trước đây đã chuyển nhượng, nay là đất bà Trần Thị Phương M.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông O, ông Th có mặt. Các đương sự có mặt khẳng định đã xuất trình đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Th trình bày: Do đất có nguồn gốc đất là của ông bà ông Th để lại. Năm 1983 Nhà nước sử dụng đất để sử dụng làm công trình nhưng không có quyết định thu hồi; gia đình ông C (cha ông Th) khiếu nại mới được cấp quyền sử dụng đất. Gia đình ông O cùng các hộ khác sử dụng trên đất ông Trần Văn B chứ không phải trên phần đất của ông Th đã được cấp quyền sử dụng đất. Trước đây ông O đã tranh chấp với ông B để có lối đi đã được Tòa án huyện Lập Vò giải quyết nhưng sau đó ông O lại rút đơn mà kiện ông Th yêu cầu mở lối đi cho ông O sử dụng. Do ông O đã có lối đi trên đất ông B (nay là đất của bà M chủ sở hữu) nên không đồng ý mở lối đi cho gia đình ông O.

Ông O trình bày: Ông sử dụng đất từ năm 1985, trước đây khi đất nhà nước sử dụng làm bến xe; ông C được nhà nước giao trả lại đất các gia đình ông O, ông Th, ông Th sử dụng phần đất lối đi trên phần đất đang tranh chấp với gia đình ông Th. Tuy nhiên do đất ông Th bị trưng dụng nhiều. Ông Th nói đất ông B là của ông Th nên kêu ông sử dụng lối đi trên đất ông B; nay là đất bà M. Nhưng sau khi xác định lại vị trí đất sử dụng lối đi nên ông rút đơn khởi kiện với ông B. Nay ông O kiện yêu cầu ông T phải cho một lối đi như cũ theo đo đạc thực tế hiện nay chiều ngang giáp lộ bên đò cũ với giáp đất ông O là 2m, chiều dài có cạnh giáp đất bà M là 16,12m; giáp đất ông O là 16,20m; diện tích là 32,1m²; ông O đồng ý trả giá trị đất cho ông Th theo hội đồng định giá là 1.500.000 đồng/1m² x 32,1m² = 48.150.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền đúng theo quy

định. Về nội dung giải quyết vụ án kháng cáo ông Th là không có cơ sở nhưng đề nghị sửa bản án sơ thẩm buộc ông O phải trả giá trị đất cho ông Th. Về phần án phí và chi phí tố tụng đề nghị xem xét theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự thống nhất đất tranh chấp lối đi là đất ông Lâm Phú Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích $290,5m^2$, thửa số 03, tờ bản đồ số 9b, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn vào ngày 23/5/2007, đất tọa lạc ấp V, xã V, huyện Lấp Vò. Qua đo đạc thực tế năm 2014 là diện tích $305,9m^2$.

[2] Về nội dung tranh chấp ông O yêu cầu ông Th mở cho ông O một lối đi theo đo đạc thực tế hiện nay có chiều ngang là 02m, chiều dài có cạnh là 16,12m với 16,20m; diện tích $32,1m^2$.

[3] Vụ án trước đây đã được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết xác định nguồn gốc thửa đất 03, tờ bản đồ 09b do ông Th đứng tên quyền sử dụng đất là của ông Lâm Văn C sử dụng đến năm 1983 thì Nhà nước trưng dụng phần đất này làm bến xe việc này ông Th cũng thừa nhận từ năm 1985 ông O sử dụng một phần đất để làm lối đi từ nhà ra lộ đá.

Năm 1993 bến xe không còn sử dụng, ông C khiếu nại để lấy lại phần đất đến 23/5/2001 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định số 251/QĐ-UB.NĐ với nội dung công nhận cho ông Lâm Văn C diện tích $290,45m^2$ và được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp quyền sử dụng đất cho ông C. Ông C chết nên ông Th là người thừa kế phần đất này và được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp quyền sử dụng đất cho ông Th.

Công văn số 69/UBND-NC ngày 31/7/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò xác định phần diện tích lối đi tranh chấp giữa ông O với ông Th thuộc quyền sử dụng đất thửa 03, tờ bản đồ 09b do ông Th đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 23/5/2007.

Công văn số 19/UBND ngày 18/3/2010 và Công văn số 166/UBND-NC ngày 09/9/2014 của Ủy ban nhân dân xã V xác định lối đi nằm sau nhà ông O chưa được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, còn sơ đồ theo sơ đồ quy hoạch ngày 19/5/1998 không có lối đi thông qua phần đất của ông O; ông O không có sử dụng lối đi này mà ông O chỉ sử dụng lối đi trên phần đất mà Nhà nước trưng dụng làm bến xe. Khi gia đình ông Th được Nhà nước giao lại đất thì ông O không còn lối đi như hiện nay, cho

nên lời trình bày và yêu cầu của ông O là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của ông O.

Do ông O sử dụng lối đi trên phần đất này trước khi nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho ông C và ông Th nên ông O không phải trả giá trị quyền sử dụng đất, đồng thời buộc gia đình ông Th tháo dỡ di dời các cây trồng, hàng rào bằng lưới B40 trồng trụ đá và trụ Xi măng có trên đất để cho hộ ông O sử dụng một lối đi. Ông Th không đồng ý nên kháng cáo.

[4] Tại Bản án phúc thẩm số 53/2016/DS-PT ngày 22/3/2016 của Tòa án Tỉnh xác định: Xét kháng cáo ông Th không có cơ sở chấp nhận. Ông O tự nguyện hỗ trợ cho 3.000.000 đồng để ông Th di dời cây và tháo dỡ hàng rào giao đất cho ông O sử dụng là sự tự nguyện của ông O không trái pháp luật nên chấp nhận. Ngoài ra, án sơ thẩm trong khâu tính toán nhân sai diện tích nên điều chỉnh lại cho chính xác là chiều dài 16,12m x chiều ngang 2m = 32,24m² nên sửa bản án sơ thẩm.

[5] Theo quyết định bản án phúc thẩm của Tòa án Tỉnh thì ông Th không đồng ý và có đơn đề nghị kháng nghị bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm. Tại quyết định giám đốc thẩm số 307/2018/DS-GĐT ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

Việc chấp nhận yêu cầu của ông O là có căn cứ. Do đất thuộc quyền sử dụng của ông Th nên nếu buộc ông Th mở lối đi cho ông O thì Tòa án phải buộc ông O trả giá trị đất và tài sản trên đất cho ông Th. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm buộc gia đình ông Th di dời tài sản để cho hộ O sử dụng lối đi nhưng không buộc ông O trả lại giá trị đất và tài sản trên đất cho ông Th là không đúng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của ông Th. Do đó, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 53/2016/DS-PT ngày 22/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án Tỉnh xét xử phúc thẩm lại theo quy định.

[6] Tòa án Tỉnh thụ lý phúc thẩm lần 2, theo quyết định giám đốc thẩm. Ông Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên ông Th không cung cấp thêm chứng cứ gì mới; do đó xét yêu cầu kháng cáo của ông Th là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, ngoài những nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc buộc ông Th phải chừa lối đi thực tế cho gia đình ông O; thì đến nay ngoài việc đang sử dụng phần đất bà M thì ông O không thể mở lối đi nào khác. Đồng thời, ông Th thừa nhận phần đất bà M, ông O giáp với sông sáng Lấp Vò đều bị sạt lở.

[7] Trong quá trình giải quyết lại vụ án, ngày 16/7/2019 Tòa án Tỉnh có xem xét thẩm định thì diện tích đất tranh chấp chiều ngang 2m trước đây ông Th làm hàng rào lấn thêm ra vị trí đất lộ giới đường đá có chiều dài là 4,58m với 4,44m, diện tích là 9,3m². Do đất này thuộc đất công; không nằm trong diện tích ông Th được cấp quyền

sử dụng đất nên ông O không phải trả giá trị đất cho ông Th. Theo định giá tài sản tranh chấp đất ở đô thị diện tích $32,1\text{m}^2$ có giá $1.500.000\text{đồng}/\text{m}^2$ diện tích mở lối đi tranh chấp trên quyền sử dụng đất của ông Th là $32,1\text{m}^2$. Do đó, buộc ông O trả giá trị đất cho ông Th là phần đất có diện tích $32,1\text{m}^2 \times 1.500.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 48.150.000$ đồng. Hộ ông Th, bà Nh, anh Gi, chị Cẩm Gi phải di dời toàn bộ tài sản, cây trồng ra khỏi diện tích đất nói trên để giao đất cho ông O lối đi từ đất ông O ra đến lộ giới đường đá theo quy định.

[8] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là sửa bản án sơ thẩm là phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo ông Th về việc không đồng ý giao đất mở lối đi cho nguyên đơn ông O, sửa án sơ thẩm về việc buộc ông O trả giá trị đất cho ông Th. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về chi phí, án phí dân sự: Do sửa án sơ thẩm nên án phí được xác định theo quy định pháp luật. Về chi phí, án phí dân sự sơ thẩm ông O phải chịu và tự nguyện chịu theo quy định pháp luật nhưng do ông O là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định pháp luật; chi phí thẩm định; định giá là 650.000 đồng và 700.000 đồng ông O đã nộp và chi xong. Do sửa án sơ thẩm nên ông Th không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 144, 147, 148, 157; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 275 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

- Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Phú Th.

- Sửa án một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn O.

2. Buộc hộ ông Lâm Phú Th, Nguyễn Thị Kim Nh, Lâm Trường Gi, Lâm Thị Cẩm Gi (viết tắt hộ ông Lâm Phú Th) phải giao cho ông Nguyễn Văn O diện tích đất 32,1m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7 trở về mốc M1 tại thửa 03, tờ bản đồ 09b, giấy chứng nhận cấp cho ông Lâm Phú Thành vào ngày 23/5/2007. Đất tại ấp V, xã V, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc hộ ông Lâm Phú Th phải di dời toàn bộ tài sản, các cây trồng, hàng rào bằng lưới B40 để giao đất cho hộ ông Nguyễn Văn O theo quy định pháp luật.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò thu hồi một phần diện tích đất 32,1m² thửa 03, tờ bản đồ 09b, giấy chứng nhận cấp cho ông Lâm Phú Th vào ngày 23/5/2007 để cấp lại cho ông Nguyễn Văn O.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2019 và sơ đồ ngày 24/10/2019).

Ông Nguyễn Văn O, ông Lâm Phú Th được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Buộc ông Nguyễn Văn O có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Phú Th số tiền giá trị đất là 48.150.000 đồng

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về chi phí, án phí dân sự:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn O được miễn án phí dân sự sơ thẩm; ông O được nhận lại 200.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 029866 ngày 15/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Ông O đã được nhận lại tiền.

4.2. Về chi phí thẩm định, định giá sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn O tự nguyện chịu 650.000 đồng, do ông Nguyễn Văn O đã nộp chi xong nên không phải nộp thêm .

4.3. Về chi phí thẩm định, định giá phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn O tự nguyện chịu 700.000 đồng, do ông Nguyễn Văn O đã nộp chi xong nên không phải nộp thêm .

4.4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lâm Phú Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Th được nhận lại số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 00282 ngày 04 tháng 01 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Ông Th không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- .Các đương sự;
- .Viện kiểm sát tỉnh đồng Tháp;
- .Tòa án huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Chí Tâm